TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 50/2023/DS-ST. Ngày 24/8/2023. (V/v Tranh chấp hợp đồng tài sản).	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.

Ông Lý Viết Chấn.

-Thư ký phiên toà: Bà Nông Thị Lường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2023/TLST-DS ngày 18/7/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 232a đường B, phường T, T phố K, tỉnh K1 (Có mặt).

Người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Ông Vũ Đình K, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 217 T, phường T1, T phố K, tỉnh K1 (Có mặt).

2.Bị đơn: Ông Trịnh Quang T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 21 B, tổ 15, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3.Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Tạ Văn N-Văn phòng luật sư A và Cộng sự -Đoàn luật sư tỉnh K1 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ánh N, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Vũ Đình Khương trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Trịnh Quang T quen biết nhau qua mạng xã hội. Sau khi tìm hiểu, biết bà N và ông T đều đã ly hôn, ông T nhiều lần lên nhà bà N, hẹn bà N đi chơi và về nhà bà N để ra mắt gia đình. Để tạo lòng tin, ông T ở nhà bà

N khoảng 10 ngày, chung sống như vợ chồng, hứa sẽ cưới bà N làm vợ và bàn kế hoạch làm ăn lâu dài. Trong quá trình chung sống ông T đã mượn của bà N các khoản tiền sau:

Ngày 16/3/2022 bà N chuyển cho ông Trịnh Quang T số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền này là khi bà N và ông T mới quen nhau, vừa mới gặp nhau 01 lần, sau đó ông T ở Đắk Lắk có gọi điện nói thăm bà N tại tỉnh K1 nên cần một ít tiền để chi phí xăng xe đi đường và ngỏ ý mượn bà N 5.000.000 đồng, vì vậy bà N đã chuyển khoản cho ông T vào tài khoản số 52032051166xx tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam số tiền là 5.000.000 đồng vào ngày 16/3/2022.

Ngày 27/10/2022 ông T gọi điện nói với với bà N là ông buôn gỗ bị công an bắt, ông đã cầm xe ô tô lấy tiền lo cho công an, ông nói mượn bà N 200.000.000 đồng để chuộc xe 4 chỗ về để nhà bà N cho chắc, nên ngày 31/10/2022 bà N đã vay của Ngân hàng Sacombank 200.000.000 đồng chuyển khoản cho ông Nguyễn Sỹ Kỷ N (bên cầm cố xe 4 chỗ mang biển số 47A.407.45 của ông Trịnh Quang T) theo giao dịch số: NaPa. 2210313992925 tại:171 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để ông T lấy xe về (bà N nhớ là chuyển lúc 13h30 chiều ngày 31/10/2022).

Ngày 09/12/2022 ông T nói đang làm hợp đồng chứng khoán có ăn chia hoa hồng ở Đà Nẵng nên nhờ bà N hốt hụi non 100.000.000 đồng và nói hàng tháng gửi cho bà N 10.000.000 đồng, do tin tưởng việc làm ăn là có lãi hàng tháng nên bà N đã chuyển vào tài khoản số 52032051166xx của ông T tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam số tiền 100.000.000 đồng. Để tạo lòng tin ông đã trả được 3 tháng với số tiền 28.500.000 đồng bằng việc ông T đã chuyển tiền đóng huê cho chị Lưu Thị Hà T số tiền 28.500.000 đồng làm 03 lần, lần 1 vào ngày 28/01/2023 là 8.500.000 đồng, lần 2 vào ngày 04/01/2023 là 10.000.000 đồng, lần 3 vào ngày 30/01/2023 là 10.000.000 đồng, vì vậy số tiền còn lại của khoản vay này là 71.500.000 đồng.

Khoảng cuối tháng 4 năm 2022 bà N có bán nhà nghỉ với số tiền 3.300.000.000 đồng, đến tháng 5 bà N đã nhận đủ tiền từ người mua. Trong tháng 5 năm 2022 bà N có xây nhà mới và gọi điện cho ông T để ông T trả bà N số tiền 18.000.000 đồng đã mượn (số tiền này hai bên không viết giấy tờ nên bà N không yêu cầu khởi kiện) thì ông T nói khi nào làm nhà xong thì ông T trả vì bà N mới bán nhà nghỉ không kẹt tiền thì sao lại đòi. Từ khi bà N xây nhà cho đến khi làm tiệc tân gia là 03 tháng thì ông T không đến gặp thăm bà N lần nào. Trong quá trình làm nhà thì ông T không đến gặp bà N vì không có tiền trả cho bà N, cho đến khi bà N làm nhà sắp xong thì bà N có nói với ông T trả bà N số tiền 18.000.000 đồng để bà N mua máy giặt và tủ lạnh nhưng ông T vẫn không trả, vì vậy bà N không đòi nữa và có mời ông về Kon Tum ăn tân gia thì ông T có đến dự. Số tiền này là do bà N hốt hụi chuyển cho ông T vì ông T cần tiền để đầu tư vào chứng khoán.

Vào ngày 19/12/2022 bà N cho ông T mượn tiếp 100.000.000 đồng. Số tiền này là do ông T nói với bà N là góp tiền vào đầu tư chứng khoán với số tiền là

100.000.000 đồng để chia lãi hàng tuần. Vì tiền hụi của ông T chưa đến ngày hốt, và ông T có nói với bà N là B em trai của ông T đã có 50.000.000 đồng nên nói bà N vay ở đâu 50.000.000 đồng trước cho đủ 100.000.000 đồng để cùng góp vốn, vì vậy bà N đã chuyển cho ông T trước số tiền 50.000.000 đồng. Do số tiền ông T yêu cầu góp vốn đầu tư chứng khoán là 100.000.000 đồng, vì mới chuyển được có 50.000.000 đồng vào ngày 19/12/2022 nên đến ngày 28/12/2022 bà N chuyển tiếp cho ông T số tiền còn lại là 50.000.000 đồng.

Ngày 03/01/2023 bà N đã chuyển cho ông T số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này ông T cho rằng do con trai ông lái xe gây tai nạn cần số tiền để bồi thường cho người bị nạn là 19.000.000 đồng và nộp phạt cho Công an là 30.000.000 đồng, tổng số tiền là 49.000.000 đồng, vì vậy ông mượn luôn của bà N chẵn số tiền là 50.000.000 đồng, ông T hứa sẽ trả cho bà N số tiền này trong vòng 01 tuần, vì vậy bà N đã đi vay nóng để chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản số 52032051166xx của cho ông T tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam.

Ngày 08/01/2023, ông T có nói két nước xe bị lủng và hư hỏng nên phải thay với số tiền chi phí là 28.500.000 đồng, do thiếu tiền nên cho ông mượn thêm số tiền 15.000.000 đồng, do không có sẵn tiền nên bà N đã cầm cố nữ trang và bà N đã chuyển cho ông T số tiền trên, ông nói là một tuần sau sẽ trả lại, nhưng nhiều ngày sau bà N gọi điện thì ông bảo là chưa có tiền, để ông làm chứng khoán từ từ rồi ông đi Bình Phước bán đất, rồi trả. Cho tới ngày 22/02/2023, bà N đòi tiền, ông T nói gửi tiền về trả, ông T đi luôn và cắt đứt mọi liên lạc với bà N.

Vì vậy bà N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Quang T phải trả lại cho bà N tổng số tiền là 441.500.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) mà ông T đã mượn của bà N.

3. Trong bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn ông Trịnh Quang T trình bày:

Cuối năm 2021 vợ chồng tôi ly hôn, sau một thời gian tôi có quen bà Nguyễn Thị Ánh N qua mạng xã hội. Sau đó tôi đến nhà bà N chơi tại đường B, phường T, thành phố K, qua quá trình tìm hiểu thì chúng tôi có tình cảm với nhau.

Khoảng tháng 4 năm 2022 tôi có cho cô N mượn 200.000.000 đồng, lúc đó cô N có viết giấy biên nhận cho tôi, vào cuối tháng 9 năm 2022 tôi có mượn 60.000.000 đồng của anh Nguyễn Đức T để để mua gỗ cốt pha, do gỗ cưa không có giấy tờ và bị mất ở địa bàn Ea Súp nên tôi nói với cô N là cho tôi mượn 100.000.000 đồng trả cho người ta và để lại một số tiền để chi phí. Cô N cho rằng tiền đã cho người ta vay hết không có để đưa cho tôi nên tôi nói để tôi cầm cố chiếc xe để lấy tiền trả anh T. Sau đó khoảng tháng 9 năm 2022 tôi đã cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47A.407.45 tại tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Sỹ Kỷ N với số tiền 180.000.000 đồng. Tôi đã trả lại cho anh T 60.000.000 đồng và giữ lại 120.000.000 đồng để chi phí, làm ăn. Do tôi sợ việc cầm cố bị quá hạn, lãi nhiều nên tôi nói cô N xoay tiền trả tiệm cầm đồ, cô N

có nói là vay Ngân hàng để trả lại tôi số tiền 200.000.000 đồng để tôi chuộc xe, vì vậy đến ngày 31/10/2022 cô N đã vay của Ngân hàng Sacombank 200.000.000 đồng chuyển khoản cho ông Nguyễn Sỹ Kỷ N và lấy chiếc xe mà tôi đã cầm cố. Vì vậy số tiền 200.000.000 đồng mà cô N chuyển cho anh Nguyên chuộc xe tôi đã cầm cố được khấu trừ vào số tiền tôi cho cô N mượn. Sau đó tôi và cô N đi Sài Gòn cùng nhau, trên đường đi cô N đã lấy lại giấy biên nhận mà tôi cho cô mượn 200.000.000 đồng, do cô N đã thanh toán 200.000.000 đồng tiền cầm cố xe nên tôi nghĩ công nợ giữa tôi và cô N đã chấm dứt nên tôi đưa lại cho cô giấy biên nhận.

Đối với khoản tiền ngày 16/3/2022 cô N chuyển cho tôi là 5.000.000 đồng. Tôi xác nhận số tiền 5.000.000 đồng mà cô N chuyển cho tôi vào tài khoản của tôi là 52032051166xx tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam vào ngày 16/3/2022 là đúng. Số tiền này là do hai bên có tình cảm với nhau nên cho chứ không phải là tôi mượn.

Đối với khoản tiền ngày 09/12/2022 cô N đã chuyển khoản vào tài khoản 52032051166xx tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam của tôi số tiền 100.000.000 đồng. Tôi xác nhận việc cô N có chuyển vào tài khoản 52032051166xx của tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền này là do khoảng 07 ngày trước tôi có đưa tiền mặt cho cô N số tiền 100.000.000 đồng để trả tiền công thợ làm nhà và lắp cầu thang, số tiền này tôi đưa không có biên nhận vì hai bên có quan hệ tình cảm và có thể sẽ sống cùng nhau nên góp để làm nhà.

Đối với việc cô N cho rằng cô cho tôi mượn số tiền 100.000.000 đồng vì tôi hứa hàng tháng gửi 10.000.000 đồng để đóng tiền hụi, sau đó tôi đã trả được 3 tháng với số tiền 28.500.000 đồng.Tôi xác nhận có chuyển khoản cho chị Lưu Thị Hà T số tiền 28.500.000 đồng làm 03 lần, lần 1 vào ngày 28/01/2023 là 8.500.000 đồng, lần 2 vào ngày 04/01/2023 là 10.000.000 đồng, lần 3 vào ngày 30/01/2023 là 10.000.000 đồng. Số tiền này là do cô N đưa cho tôi số tài khoản nhờ tôi chuyển vào chứ không liên quan gì đến số tiền 100.000.000 đồng mà cô N đã chuyển khoản trả tôi vào ngày 09/12/2022. Vì ngoài những lần này tôi còn chuyển cho cô N các khoản tiền khác nữa.

Đối với số tiền ngày 19/12/2022 cô N chuyển cho tôi 100.000.000 đồng cho rằng tôi yêu cầu chuyển để chơi chứng khoán rồi nói chia lãi hàng tuần là không đúng. Số tiền này là khi cô N chuyển trả cho tôi 100.000.000 đồng (tiền tôi cho cô N mượn làm cầu thang vào tháng 12 năm 2022) để tôi cho em trai của tôi là Trịnh Quốc Phong mượn, thì sau 01 tuần em tôi trả lại thì tôi đi xe ô tô đến nhà cô N đưa số tiền là 110.000.000 đồng cho cô N mượn, cộng với số tiền mà tôi đã đóng là 28.500.000 đồng, cùng số tiền tôi chuyển cho cô N 2 lần là 10.000.000 đồng và các khoản lặt vặt đưa cho khách hàng bốc tiền vay, tổng cộng khoảng 170.000.000 đồng. Trong thời gian chung sống với nhau khoảng 10 ngày, vì nhiều lý do mà tôi không thể chấp nhận chung sống với cô N nên tôi suy nghĩ là sẽ âm thầm chia tay, vì lý do đó nên tôi đã bày ra nhiều cách để lấy lại số tiền trên trước khi chia tay, vì vậy mới có việc cô N

chuyển cho tôi các khoản tiền như ghi trong sao kê ngân hàng mà cô N đã cung cấp khi khởi kiện, cụ thể là ngày 19/12/2022 cô N chuyển 50.000.000 đồng, ngày 28/12/2022 cô N chuyển 50.000.000 đồng, ngày 03/01/2023 chuyển 50.000.000 đồng, ngày 08/01/2023 chuyển 15.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này đều được chuyển vào tài khoản số 52032051166xx của tôi tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam.

Trong thời gian tôi ở chung với cô N một thời gian ngắn thì cô có tâm sự về quá khứ của cô cũng như việc làm ăn không được tốt cho lắm và cô cũng nói dối về tuổi tác cộng với những lời lẽ cô xử sự với khách hàng vay tiền của cô không được tốt cho lắm. Từ đó tôi bắt đầu suy nghĩ là không thể sống với cô suốt đời được và cũng từ đó tôi bỏ đi và nói là về quê làm chứng khoán nhưng thực tế tôi không có làm chứng khoán mà chủ yếu nêu lý do để lấy tiền đầu tư vào chứng khoán để cô trả lại tôi số tiền còn lại mà tôi đã đưa cho cô N. Trong thời gian tôi hỏi thì cô có chuyện trả dần mỗi lần 50.000.000 đồng và chuyển trả 3 lần nhưng tôi không nhớ ngày. Khi tôi biện đủ lý do để lấy đủ số tiền tôi đưa cô N là lúc đó tôi cũng biện lý do để chia tay.

Nhưng vì tôi không muốn cô sốc nên tôi nêu lý do đầu tư vào chứng khoán thua lỗ nên buồn quá không muốn về nhà và tôi biết tính cô N rất hung nên tôi mới cầm chiếc xe 190.000.000.000 đồng để tôi chụp lại thích nhận cầm xe gửi qua zalo để cho cô N tin và tôi nói thôi giờ tạm thời anh đi Sài Gòn làm chứ không biết làm sao và từ đó bắt đầu cô điện chửi bới và làm hung lên, bảo tôi làm mất mặt họ hàng bạn bè cô giờ sống như thế nào đây.

Nói chung cô N nói rất khó nghe và liên tục ngày đêm gọi điện nên tôi chặn zalo của cô rồi cô chuyển qua gọi số đòi đi qua Đắk Lắk tìm tôi nhưng lúc đó tôi đã về quê ăn tết thì cô có gọi tôi là mày vô ăn tết để tao mở mặt với bà con bạn bè còn không thì tao về tới quê tao quậy banh nhà mày luôn, lúc đó tôi sợ cô N làm thật nên tôi vô ăn tết để cho êm chuyện và đến mùng 3 tết tôi về quê để họp lớp và ở lại quê luôn.

Từ đó cô N bắt đầu theo dõi trên Facebook của bạn bè tôi vào thấy tôi đi chơi với một số bạn gái nên cô bắt đầu ghen tuông, bắt đầu cô gửi tin nhắn kết bạn với nhiều người trên Facebook bạn bè của tôi và tung tin là tôi ăn nằm với cô rồi lừa tình. Rồi cô làm giả giấy tờ kết hôn của tôi và cô gửi cho bạn bè tôi lúc đó bạn bè tôi có người nói lại cô là vợ chồng không ở với nhau thì chia tay là chuyện bình thường, bắt đầu cô tung thêm tên là tôi đang bị truy nã một năm nay vì lừa tình lừa tiền một người phụ nữ ở Kon Tum.

Sau đó tôi nghe bạn bè tôi kể lại thì cô có gọi vô chửi và đòi kiện cô về tội vu khống thì cô lại tung tin lên bạn bè tôi là tôi mượn tiền cô không trả cô sẽ nhờ luật sư kiện đưa tôi vào tù. Nhưng tôi nghĩ là cô bị ức chế nên cô làm như vậy thôi, một phần

là tôi cũng không tìm hiểu kỹ trước khi quyết định đến với cô nên khi tôi đơn phương chia tay tôi thấy cũng một phần mình có sai. Tôi suy nghĩ như vậy nên tôi nhịn cho qua không ngờ cô làm mọi thủ đoạn để trả thù tôi, còn rất nhiều từ ngữ không tốt của cô bôi nhọ tôi nhưng tôi không làm nhưng tôi không tiện nêu hết.

Tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cô N đối với số tiền 441.500.000 đồng, vì toàn bộ số tiền cô N đã chuyển khoản cho tôi là số tiền cô N đã mượn của tôi, vì vậy cô N phải chuyển trả cho tôi theo yêu cầu. Tôi không còn nợ tiền của cô nữa tôi yêu cầu tòa giải quyết, ai sai người đó chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phần tranh luận nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông Trịnh Quang T phải trả cho bà số tiền 441.500.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trịnh Quang T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N. Ông T cho rằng toàn bộ số tiền bà N chuyển cho ông vào tài khoản là số tiền bà N chuyển trả do ông đã cho bà N mượn trước đó.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

-Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, 119, 357,463, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N đối với bị đơn ông Trịnh Quang T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bị đơn ông Trịnh Quang T có nghĩa vụ trả cho nguyên bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 441.500.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nợ gốc: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N yêu cầu bị đơn ông Trịnh Quang T trả số tiền vay là 441.500.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N đã cung cấp cho Toà án bản gốc các tài liệu sau:

-Bản sao sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 09/12/2022 đến ngày 08/01/2023 của tài khoản số 108005366xx, chủ tài khoản Nguyễn Thị Ánh N tại Ngân hàng TMCP Công thương Kon Tum.

-Bản sao Sao kê từ ngày 10/01/2022 đến ngày 10/4/2022 của tài khoản số 10248909xx, chủ tài khoản Nguyễn Thị Ánh N tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Kon Tum.

-Bản sao uỷ nhiệm chi ngày 31/10/2022, người chuyển tiền Nguyễn Thị Ánh N, người thụ hưởng Nguyễn Sỹ Kỷ Ng, số tiền 200.072.600 đồng. Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

-03 Bản photo thông tin chuyển tiền ngày 28/01/2023 là 8.500.000 đồng, lần 2 vào ngày 04/01/2023 là 10.000.000 đồng, lần 3 vào ngày 30/01/2023 là 10.000.000 đồng.

Qua các chứng cứ, tài liệu nguyên đơn giao nộp, thu thập trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy, bị đơn ông Trịnh Quang T có vay của bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 470.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Việc xác lập hợp đồng vay bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng giữa các đương sự dựa trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N xác định ông T đã trả được cho bà số tiền 28.500.000 đồng, vì vậy nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N chỉ yêu cầu bị đơn ông Trịnh Quang T phải trả số tiền còn lại là 441.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn ông Trịnh Quang T xác nhận số tài khoản 52032051166xx tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam là của ông và việc bà N chuyển khoản là đúng nhưng toàn bộ số tiền bà N chuyển khoản là tiền ông đã cho bà N mượn trước đó nên bà N phải chuyển trả lại cho ông. Ông T cho rằng, trong quá trình hai người có quan hệ tình cảm với nhau ông đã nhiều lần đưa tiền cho bà N mượn nhưng do tin nhau nên ông không viết giấy tờ gì. Ông chỉ nhớ là vào khoảng tháng 4 năm 2022 ông cho bà N mượn 200.000.000 đồng, sau đó bà N đã chuộc lại chiếc xe ông đã cầm cố cho ông Nguyễn Sỹ Kỷ Nguyên nên khoản tiền này xem như không ai còn nợ ai. Khoảng cuối tháng 10 năm 2022 ông có đưa cho bà N 100.000.000 đồng, tháng 12 năm 2022 đưa 110.000.000 đồng, ngoài ra ông còn chuyển khoản cho bà N 28.500.000 đồng và đưa một số tiền mặt nhiều lần khoảng 30.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà

ngày hôm nay ông T không cung cấp được bất cứ chứng cứ, tài liệu gì liên quan đến số tiền mà ông cho rằng bà N vay tiền của của ông ngoài khoản tiền 28.500.000 đồng mà bà N đã xác nhận và đã khấu trừ vào tổng số tiền bà đã chuyển cho ông T là 470.000.000 đồng. Như vậy không có cơ sở để xem xét đối với ý kiến của ông Trịnh Quang T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N. Buộc ông Trịnh Quang T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 441.500.000 đồng.

[2.2]. Về lãi suất: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 441.500.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N đối với ôngTrịnh Quang T.

[1]. Buộc ông Trịnh Quang T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 441.500.000 đồng *(Bốn trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Trịnh Quang T không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Quang T phải chịu 21.600.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu sáu trăm sáu nghìn đồng).*

Bà Nguyễn Thị Ánh N được nhận lại số tiền 10.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/003219, ngày 13/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[3].Quyền kháng cáo: Các đương được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND H.K;
-Chi cục THADS H.K;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H’ Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lý Viết Chấn Trịnh Thị Oanh H'Năm Bkrông